

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2020/HS-ST

Ngày 22-7-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Môn, ông Nguyễn Văn Tư.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Mai Hương - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Ông Đặng Đức Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 99/2020/TLST-HS ngày 30 tháng 6 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104A/2020/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Bùi Thị T**, sinh năm: 1983 tại huyện L, tỉnh Hòa Bình; tên gọi khác: Không; nơi ĐKKHTT: Số B, phố M, phường V, quận H, thành phố Hà Nội; nơi ở: Đường V, thôn B, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 6/12; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Mường; tôn giáo: Không; giới tính: nữ; con ông Bùi Văn N, sinh năm 1948 (đã chết) và bà Bùi Thị H, sinh năm 1951; gia đình có 6 anh chị em, bị cáo là con thứ năm; chồng là Dương Đức G, sinh năm 1979; con: chưa có; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ, tạm giam từ 04/01/2020 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang. (Có mặt tại phiên tòa)

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Cao Anh C, sinh năm 1975, địa chỉ: Tổ dân phố T, phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt)

- Ông Trần Đức Y, sinh năm 1958, địa chỉ: Tổ dân phố T, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt)

- Chị Lý Thị N – sinh năm 1988, địa chỉ: Thôn L, xã M, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. (Vắng mặt)

- Chị Nguyễn Thị Kim D, sinh năm 1969, địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ. (Vắng mặt)

- Chị Vũ Thị M, sinh năm 1983, địa chỉ: Thôn M, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Hiện đang chấp hành án tại Trại giam N, huyện T, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt)

- Chị Dương Thị L, sinh năm 1983, địa chỉ: Tổ 4, phường M, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt)

* Người chứng kiến: Ông Hoàng Văn D, sinh năm 1959, địa chỉ: Thôn B, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt)

NỘI D VU ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 19 giờ 45 phút ngày 04/01/2020, tại quán cà phê thư giãn trên đường V, thuộc thôn B, xã T, thành phố B do Bùi Thị T làm chủ, tổ công tác Công an thành phố B bắt quả tang hai đôi nam nữ đang có hành vi mua bán dâm. Tang vật thu giữ gồm:

- Tại phòng của Cao Anh C và Lý Thị N: 01 bao cao su đã qua sử dụng.
- Tại phòng của Trần Đức Y và Nguyễn Thị Kim D: 01 bao cao su đã qua sử dụng.
- Bùi Thị T tự nguyện giao nộp số tiền 1.000.000 đồng (gồm 02 tờ tiền 500.000 đồng).

Quá trình điều tra xác định được như sau: Khoảng đầu tháng 12/2019, Bùi Thị T có thuê lại nhà của Vũ Thị M ở địa chỉ đường V, thuộc thôn B, xã T, thành phố B để kinh doanh dịch vụ cà phê- nước giải khát. Ngôi nhà này Vũ Thị M đã thuê của chị Dương Thị L trước đó. Ngày 03/01/2020, Lý Thị N và Nguyễn Thị Kim D đến xin làm nhân viên phục vụ quán. T có thỏa thuận và thống nhất với N và D là nếu có khách đến hỏi mua dâm thì N và D bán dâm cho khách tại quán với số tiền là 200.000 đồng một lượt khách, T được hưởng số tiền là 100.000 đồng một lượt khách. Đến khoảng 19 giờ 30 phút ngày 4/01/2020, Trần Đức Y và Cao Anh C đến quán cà phê của Bùi Thị T. Y và C gặp T ở phòng khách, C hỏi T “Ở đây có nhân viên cho đi chơi không”, ý là ở đây có nhân viên bán dâm không. T hiểu ý và bảo “có”. T nói với N và D đang ở trong hai phòng ngủ phía trong nhà là “có khách”, tức là bảo có người đến mua dâm. C hỏi T giá tiền mỗi lần bán dâm thì T trả lời là 200.000 đồng một người. C và Y đồng ý, mỗi người đưa cho T 1 tờ tiền 500.000 đồng, T rút tiền vào túi quần bên phải đang mặc, chưa trả lại tiền thừa cho C và Y. Đưa tiền xong, C và Y đi vào phía bên trong hai phòng ngủ để mua bán dâm. C vào phòng của N còn Y vào phòng của D. Khi hai đôi đang quan hệ tình dục thì bị Tổ công tác Công an thành phố B phát hiện bắt quả tang, thu giữ các vật chứng như đã nêu ở trên.

Cùng ngày, Cơ quan điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp quán của Bùi Thị T tại đường V, thuộc thôn B, xã T, thành phố B: thu giữ 150 bao cao su chưa qua sử dụng, 01 chứng minh thư mang tên Lý Thị N, 01 giấy phép lái xe mang tên Lý Thị N. Sau khi xác minh nhân thân lý lịch của Lý Thị N, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý đồ vật tài liệu, trả lại 01 chứng minh thư và 01 giấy phép lái xe cho Lý Thị N.

Vật chứng của vụ án còn lại gồm: 150 bao cao su chưa qua sử dụng, 02 bao cao su đã qua sử dụng, số tiền 1.000.000 đồng (gồm 02 tờ tiền 500.000 đồng).

Tại Bản cáo trạng số 106/CT-VKS ngày 30 tháng 6 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Giang đã truy tố bị cáo Bùi Thị T về tội “Chứa mại dâm” theo quy định tại khoản 1 Điều 327 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã nêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Tuyên bố bị cáo Bùi Thị T phạm tội “Chứa mại dâm”.

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 327; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Bùi Thị T từ 14 đến 17 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04/01/2020. Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo T.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 150 bao cao su chưa qua sử dụng, 02 bao cao su đã qua sử dụng; Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 1.000.000 đồng (trong đó gồm 400.000 đồng do bị cáo phạm tội mà có; 600.000 đồng tiền bị cáo chưa trả lại cho C, Y nhưng C, Y không yêu cầu trả lại số tiền trên).

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận với bản luận tội của Viện kiểm sát, xin được hưởng mức án nhẹ nhất để sớm đoàn tụ với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội D vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về tội danh: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, Biên bản bắt người phạm tội quả tang, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; lời khai của người chứng kiến và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Vào hồi 19 giờ 30 phút ngày 04/01/2020, tại quán cà phê giải khát ở địa chỉ đường Võ Nguyễn Giáp, thôn B, xã T, thành phố B, Bùi Thị T có hành vi chứa hai đôi nam nữ đang có hành vi mua bán dâm trong quán là Lý Thị N và Cao Anh C; Trần Đức Y và Nguyễn Thị Kim D. Hành vi của bị cáo T đủ yếu tố cấu thành tội “Chứa mại dâm” quy định tại

khoản 1 Điều 327 của Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng, xâm phạm trật tự trị an xã hội, tác động tiêu cực đến đời sống văn hóa và nếp sống văn minh; ảnh hưởng xấu đến thuần phong, mỹ tục; tạo môi trường lây lan căn bệnh thế kỷ HIV/AIDS và các căn bệnh xã hội khác. Chỉ vì mục đích thu lời bất chính, bị cáo đã cố ý phạm tội. Do đó, cần xử nghiêm bị cáo bằng pháp luật hình sự, áp dụng hình phạt tù giam có thời hạn để đảm bảo giáo dục bị cáo thành công dân biết tuân thủ pháp luật.

[4] Xét về nhân thân của bị cáo thì thấy: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu.

[5] Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bố đẻ bị cáo là người có công với cách mạng. Do đó, cần áp dụng quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự khi xem xét, quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[6] Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[7] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo phạm tội nhằm mục đích thu lời bất chính. Do vậy, cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật.

[8] Về vật chứng của vụ án: 150 bao cao su chưa qua sử dụng, 02 bao cao su đã qua sử dụng cần tịch thu tiêu hủy. Trong tổng số tiền 1.000.000 đồng thu giữ của bị cáo T thì 400.000 đồng là tiền do bị cáo phạm tội mà có, cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước. Số tiền 600.000 đồng còn lại là tiền thừa bị cáo T chưa trả lại cho C, Y. C và Y không đề nghị trả lại số tiền trên nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Đối với hành vi của Cao Anh C, Trần Đức Y, Nguyễn Thị Kim D, Lý Thị N: ngày 31/5/2020 Công an thành phố B đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Cao Anh C, Trần Đức Y về hành vi mua dâm, xử phạt Nguyễn Thị Kim D, Lý Thị N về hành vi bán dâm là phù hợp.

[11] Đối với Vũ Thị M, Dương Thị L cho Bùi Thị T thuê nhà, nhưng không biết việc Mai chứa mại dâm nên không phạm tội.

[12] Cần tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày để đảm bảo thi hành án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 và khoản 5 Điều 327; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38; Điều 47 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 của Bộ

luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội xử:

- Tuyên bố bị cáo Bùi Thị T phạm tội “Chứa mại dân”.

- Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Bùi Thị T 01 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04/1/2020. Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 đồng sung ngân sách Nhà nước.

- Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 150 bao cao su chưa qua sử dụng, 02 bao cao su đã qua sử dụng. Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 1.000.000 đồng.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự ./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang
- VKSND thành phố B;
- Công an thành phố B;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS TP B;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hương Giang